

Số: 54/2026/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức
khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản
quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân
và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,
chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi
hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi
hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 761/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, danh mục nhiệm
vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây
dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp
chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi, danh
mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động
đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban
nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

a) Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tổng mức chi đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Tổng mức chi đối với xây dựng mới hoặc thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: 100.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Tổng mức chi đối với xây dựng mới hoặc thay thế quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: 60.000.000 đồng/01 văn bản.

3. Tổng mức chi đối với xây dựng mới hoặc thay thế quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: 30.000.000 đồng/01 văn bản.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì áp dụng tổng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này để quyết định hoặc ban hành quy chế để áp dụng nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố do ngân sách thành phố bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Trong đó, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Trường hợp việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã được thực hiện, ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thanh toán, quyết toán thì được thực hiện theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT. *ma*



Đồng Văn Thanh



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 11/9/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
I	ĐĂNG KÝ HOẶC ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG, SOẠN THẢO		43	36	20
1	Đăng ký hoặc đề nghị xây dựng văn bản				
a)	Đăng ký hoặc đề nghị xây dựng văn bản	Tờ trình đăng ký hoặc đề nghị xây dựng văn bản	1	1	1
b)	Văn bản tham gia ý kiến đối với đăng ký hoặc đề nghị xây dựng	Văn bản tham gia ý kiến của Sở Tư pháp	1	1	1
c)	Tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu; chấp thuận đăng ký xây dựng quyết định hoặc trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đăng ký hoặc đề nghị xây dựng nghị quyết	Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo ý kiến của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố; tờ trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố	1	1	1

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
d)	Thẩm tra đăng ký hoặc đề nghị xây dựng văn bản của Ban của Hội đồng nhân dân	Báo cáo thẩm tra	1	-	-
đ)	Chấp thuận đăng ký hoặc đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận đăng ký hoặc đề nghị xây dựng nghị quyết	1	-	-
2	Xây dựng tờ trình và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Tờ trình hoặc dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	12	10	5
3	Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	3	2	-
4	Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	2	2	-
5	Xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo	3	-	-

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
6	Điều tra, khảo sát thực tế	Báo cáo điều tra, khảo sát thực tế	3	3	2
7	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	2	2	-
8	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	2	2	1
9	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan, trong đó phải bảo đảm việc lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ dự thảo bằng hình thức phù hợp bảo đảm theo quy định, trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì mức chi là 200.000 đồng/01 văn bản tham gia ý kiến, tổng mức chi không vượt quá định mức khoán chi quy định tại khoản này	Biên bản họp hoặc văn bản tham gia ý kiến	8	9	6

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
10	Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	1	1	1
11	Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội	1	1	1
12	Xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	1	1	1
II	THẨM ĐỊNH		17	17	8
1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc họp thẩm định	Giấy mời kèm danh sách dự họp	4	4	2
2	Lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan	4	4	2
3	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	9	9	4

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		10	7	2
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thực hiện quy trình lấy ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố đối với dự thảo văn bản	Văn bản tổng hợp ý kiến hoặc biên bản cuộc họp hoặc thông báo kết luận	3	3	-
2	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền				
a)	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trình xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy	Tờ trình của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố	1	-	-
b)	Văn phòng Thành ủy xử lý hồ sơ trình Ban Thường vụ Thành ủy	Văn bản kết luận chủ trương của Ban Thường vụ Thành ủy	2	-	-

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện, trình hồ sơ sau khi có ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố hoặc chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố hoặc chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy	2	2	-
4	Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký ban hành quyết định hoặc tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố	2	2	2
IV	THẨM TRA, THÔNG QUA	NGHỊ QUYẾT	30	-	-
	<i>Nhiệm vụ, hoạt động và mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong tổng mức khoán 30 triệu đồng/01 nghị quyết, phù hợp với tình hình thực tế.</i>			-	-